

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

---

*Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2018*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

**185 Đường Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 2
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	3 - 4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 53

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Mã cổ phiếu: CEE

Trụ sở chính tại: 185 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thức	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)
Ông Ngô Đình Thành	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiến	Thành viên
Ông Mai Thanh Trúc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phùng Văn Hiến	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)
Ông Phạm Vũ Thức	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 10 tháng 03 năm 2018)
Ông Nguyễn Trường Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2018)

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018)
Bà Lê Thị Bé Mùm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2018)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Phùng Văn Hiền**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018*

Số. 699/2018/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2018, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được kiểm toán và soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về các báo cáo tài chính này.



---

**Phan Huy Thăng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.081.409.133.504</b>	<b>1.297.057.929.457</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>152.064.912.413</b>	<b>95.472.356.908</b>
1. Tiền	111		152.064.912.413	85.472.356.908
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>161.001</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	161.001
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>464.055.294.898</b>	<b>717.522.430.930</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	130.804.009.278	140.754.823.130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	49.738.522.275	231.145.139.506
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	142.195.533.253	197.574.190.058
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	144.237.557.686	151.180.748.846
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.920.327.594)	(3.132.470.610)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>464.702.584.777</b>	<b>478.112.068.354</b>
1. Hàng tồn kho	141		464.702.584.777	478.112.068.354
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>586.341.416</b>	<b>5.950.912.264</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	216.018.692	160.946.581
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		370.322.724	5.789.965.683

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

TÀI SẢN	Mã số		30/06/2018	01/01/2018
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>306.074.671.852</b>	<b>292.385.771.316</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>24.467.097.441</b>	<b>4.194.520.841</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	24.467.097.441	4.194.520.841
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32.825.562.336</b>	<b>36.078.671.120</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	7.180.960.515	8.342.202.027
- Nguyên giá	222		25.099.138.252	25.035.138.252
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.918.177.737)	(16.692.936.225)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	25.619.633.795	27.701.501.067
- Nguyên giá	225		33.309.876.347	33.309.876.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(7.690.242.552)	(5.608.375.280)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	24.968.026	34.968.026
- Nguyên giá	228		160.000.000	160.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(135.031.974)	(125.031.974)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>4.997.156.733</b>	<b>4.997.156.733</b>
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>403.363.874</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	403.363.874	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>232.610.000.000</b>	<b>232.610.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.14	112.610.000.000	112.610.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.14	120.000.000.000	120.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.771.491.468</b>	<b>14.505.422.622</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	10.771.491.468	14.505.422.622
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.387.483.805.356</b>	<b>1.589.443.700.773</b>

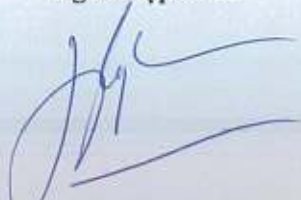


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>949.653.832.254</b>	<b>1.123.266.451.239</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>942.626.184.180</b>	<b>1.112.909.282.749</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	113.791.716.043	86.827.150.214
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	264.716.089.626	311.191.455.883
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	10.780.950.396	7.680.424.096
4. Phải trả người lao động	314		1.691.886.058	2.032.950.857
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	1.332.574.143	2.672.481.517
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	36.744.897.701	67.233.591.831
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	512.828.366.677	635.271.228.351
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		739.703.536	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.027.648.074</b>	<b>10.357.168.490</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20	7.027.648.074	10.357.168.490
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>437.829.973.102</b>	<b>466.177.249.534</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>437.829.973.102</b>	<b>466.177.249.534</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.220.808.468	6.555.530.896
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.027.531.913	44.221.718.638
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.610.038.638	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		13.417.493.275	44.221.718.638
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>1.387.483.805.356</b>	<b>1.589.443.700.773</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>5.22</b>	<b>355.360.692.680</b>	<b>333.698.046.327</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	-	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>5.22</b>	<b>355.360.692.680</b>	<b>333.698.046.327</b>
Giá vốn hàng bán	11	5.23	330.651.610.518	272.222.883.119
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>24.709.082.162</b>	<b>61.475.163.208</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	29.207.035.518	20.099.113.175
Chi phí tài chính	22	5.25	24.138.326.710	20.855.269.821
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.137.385.788	20.855.269.821
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	9.722.264.514	10.658.837.248
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
[30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	<b>30</b>		<b>20.055.526.456</b>	<b>50.060.169.314</b>
Thu nhập khác	31	5.27	161.902.215	38.516.582
Chi phí khác	32	5.28	183.629.546	733.138.478
<b>Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(21.727.331)</b>	<b>(694.621.896)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>20.033.799.125</b>	<b>49.365.547.418</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.29	4.786.647.677	9.013.105.211
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>15.247.151.448</b>	<b>40.352.442.207</b>

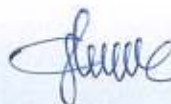
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	20.033.799.125	49.365.547.418
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	3.335.210.636	2.921.599.863
Các khoản dự phòng	3	(212.143.016)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(29.238.773.733)	(19.816.557.596)
Chi phí lãi vay	6	24.137.385.788	20.855.269.821
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	18.055.478.800	53.325.859.506
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	155.864.076.811	143.869.645.025
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	13.409.483.577	(49.794.873.067)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.939.183.354)	(10.690.003.157)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.678.859.043	(487.837.322)
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	161.001	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(23.580.174.526)	(19.723.315.702)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.000.000.000)	(3.326.449.633)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	14.500.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.963.307.031)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	150.539.894.321	113.173.025.650
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(567.454.320)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(222.182.432.604)	(354.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	277.561.089.409	2.483.030.439
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	1.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56.068.802.419	4.385.518.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	110.880.004.904	(346.131.450.837)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(39.818.367.279)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	427.881.301.960	937.681.016.670
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(547.562.578.271)	(724.630.495.477)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.697.434.080)	(5.818.103.672)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.630.266.050)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(204.827.343.720)</b>	<b>207.232.417.521</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>56.592.555.505</b>	<b>(25.726.007.666)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>95.472.356.908</b>	<b>27.225.375.665</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	<b>152.064.912.413</b>	<b>1.499.367.999</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Engineering and Construction JSC.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C

Vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 415 tỷ VND, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính tại: 185 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018: 133 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 132).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cầu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là thi công xây lắp, mua bán vật tư xây dựng, cho thuê máy móc thiết bị.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

#### 1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
3. Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Xây dựng công trình kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Tp. Hồ Chí Minh	99,81%	99,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện; kinh doanh bất động sản

#### 1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06.

#### Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

#### Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), gồm: Cổ phiếu; trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2014.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

**Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

**a. Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**Nguyên tắc kế toán tài sản thuê tài chính**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

**Công ty là bên đi thuê**

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tồn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, ... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)**

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và tại thời điểm chốt danh sách cổ đông của Ủy Ban Chứng Khoán.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác****Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Ghi nhận giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	8.196.529.483	1.140.173
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	143.868.382.930	85.471.216.735
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>152.064.912.413</b>	<b>95.472.356.908</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.2. Phải thu của khách hàng**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu các bên liên quan (i)	85.104.854.032	60.397.936.271
Phải thu các khách hàng khác	45.699.155.246	80.356.886.859
<i>Ban Quản lý Dự án đường Hồ Chí Minh</i>	<i>14.683.373.802</i>	<i>14.847.188.802</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592</i>	<i>8.203.377.209</i>	<i>13.657.789.253</i>
<i>Công ty Cổ Phần Big Gate</i>	<i>8.164.403.946</i>	<i>113.503.600</i>
<i>Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Tuấn Lộc</i>	<i>3.934.870.894</i>	<i>11.943.380.934</i>
<i>Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt</i>	<i>-</i>	<i>12.986.962.232</i>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>10.713.129.395</i>	<i>26.808.062.038</i>
<b>Cộng</b>	<b>130.804.009.278</b>	<b>140.754.823.130</b>
<i>(i) Chi tiết phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty CII E&C - CC	49.960.151.511	37.832.263.735
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	8.969.803.175	17.199.603.370
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	17.778.100.329	-
Công ty NQN	2.872.720.000	1.936.480.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.793.761.306	1.662.271.455
Công ty CII E&C - BM	1.928.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	1.280.288.994	1.280.288.994
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty LGC	34.200.000	-
Công ty CII	11.332.527	11.332.527
<b>Cộng</b>	<b>85.104.854.032</b>	<b>60.397.936.271</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.3. Trả trước cho nhà cung cấp**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước các bên liên quan (i)	9.365.408.077	126.628.421.695
Trả trước các nhà cung cấp khác	40.373.114.198	104.516.717.811
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Nền Móng Tam Đạt</i>	12.607.898.553	44.507.603.081
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592</i>	10.751.550.248	31.544.135.565
<i>Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành</i>	4.813.172.105	2.580.835.457
<i>Công ty Cổ phần Teracons</i>	-	16.629.150.063
<i>Trả trước các đối tượng khác</i>	12.200.493.292	9.254.993.645
<b>Cộng</b>	<b>49.738.522.275</b>	<b>231.145.139.506</b>
<i>(i) Chi tiết trả trước cho các bên liên quan:</i>		
Công ty CII E&C - BM	9.329.858.077	97.680.609.040
Công ty CII B&R	35.550.000	35.550.000
Công ty NQN	-	28.912.262.655
<b>Cộng</b>	<b>9.365.408.077</b>	<b>126.628.421.695</b>

**5.4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu các bên liên quan (i)	68.844.671.505	197.574.190.058
Phải thu các đối tượng khác	73.350.861.748	-
<i>Công ty Cổ phần Teracons</i>	33.468.375.978	-
<i>Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt</i>	15.545.971.136	-
<i>Đặng Việt Hà</i>	11.639.428.986	-
<i>Phải thu các đối tượng khác</i>	12.697.085.648	-
<b>Cộng</b>	<b>142.195.533.253</b>	<b>197.574.190.058</b>
<i>(i) Chi tiết phải thu về cho vay là các bên liên quan:</i>		
Công ty CII E&C - BM	37.300.000.000	-
Công ty NQN	28.912.262.655	-
Công ty CII	2.632.408.850	197.574.190.058
<b>Cộng</b>	<b>68.844.671.505</b>	<b>197.574.190.058</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.5. Phải thu khác**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng vốn cho các đội thi công các công trình xây dựng	102.202.661.787	67.906.062.772
Các khoản chi hộ	27.444.305.362	9.671.468.410
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	6.164.376.099	18.420.076.305
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	5.579.986.387	20.186.053.082
Phải thu người lao động	1.247.620.206	1.666.229.422
Ký cược, ký quỹ	738.223.999	29.988.223.999
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Thuế GTGT chờ kê khai của TSCĐ thuê tài chính	-	1.806.816.184
Các khoản phải thu khác	148.511.107	823.945.933
	<b>144.237.557.686</b>	<b>151.180.748.846</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký cược, ký quỹ	24.467.097.441	4.194.520.841
	<b>24.467.097.441</b>	<b>4.194.520.841</b>
<b>Cộng</b>	<b>168.704.655.127</b>	<b>155.375.269.687</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Phải thu về lợi nhuận được chia, lãi phải thu và các khoản chi hộ NQN	4.464.772.584	3.631.211.135
Lãi trái phiếu phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	1.433.333.333	7.566.666.667
Phải thu về lợi nhuận được chia và các khoản chi hộ CII E&C - CC	958.063.625	958.063.625
Lợi nhuận phải thu CII E&C - BM	932.500.000	526.066.695
Cổ tức phải thu LGC	920.000.000	15.000.000.000
Lãi phải thu CII từ hoạt động hợp tác đầu tư	526.790.192	10.356.121.582
<b>Cộng</b>	<b>9.235.459.734</b>	<b>38.038.129.704</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5.6. Nợ xấu**

Nội dung	30/06/2018			01/01/2018		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.551.503.611	50.438.480	(2.501.065.131)	2.919.523.564	80.536.678	(2.838.986.886)
Trả trước cho nhà cung cấp	419.262.463	-	(419.262.463)	419.262.463	125.778.739	(293.483.724)
<b>Cộng</b>	<b>2.970.766.074</b>	<b>50.438.480</b>	<b>(2.920.327.594)</b>	<b>3.338.786.027</b>	<b>206.315.417</b>	<b>(3.132.470.610)</b>

**5.7. Hàng tồn kho**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.394.252.494	-	24.090.064.492	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang	439.308.332.283	-	454.022.003.862	-
<i>Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận</i>	162.705.026.915	-	131.101.804.673	-
<i>Công trình thi công hạ tầng khu đô thị Thủ Thiêm</i>	98.266.817.962	-	34.188.824.411	-
<i>Công trình thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội</i>	79.631.218.724	-	183.998.036.760	-
<i>Công trình thi công xây dựng đoạn 1 - Quốc lộ 60</i>	72.129.941.309	-	77.129.027.496	-
<i>Các công trình khác</i>	26.575.327.373	-	27.604.310.522	-
<b>Cộng</b>	<b>464.702.584.777</b>	<b>-</b>	<b>478.112.068.354</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.8. Chi phí trả trước**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	118.906.758	119.725.681
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	54.133.334	-
Chi phí thuê tài sản trả trước	42.978.600	41.220.900
	<b>216.018.692</b>	<b>160.946.581</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí làm đường công vụ thực hiện dự án	7.546.728.328	9.810.746.827
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.472.883.367	3.190.916.250
Chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị thanh lý của TSCĐ bán và thuê lại theo hợp đồng thuê tài chính	751.879.773	1.503.759.545
	<b>10.771.491.468</b>	<b>14.505.422.622</b>
<b>Cộng</b>	<b>10.987.510.160</b>	<b>14.666.369.203</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.9. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2018	10.821.230.800	13.481.607.452	732.300.000	25.035.138.252
Mua trong năm	850.000.000	-	64.000.000	914.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(850.000.000)	-	-	(850.000.000)
Tại ngày 30/06/2018	10.821.230.800	13.481.607.452	796.300.000	25.099.138.252
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2018	9.519.962.306	6.652.808.081	520.165.838	16.692.936.225
Khấu hao trong năm	578.012.345	642.429.352	22.901.667	1.243.343.364
Thanh lý, nhượng bán	(18.101.852)	-	-	(18.101.852)
Tại ngày 30/06/2018	10.079.872.799	7.295.237.433	543.067.505	17.918.177.737
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2018	1.301.268.494	6.828.799.371	212.134.162	8.342.202.027
Tại ngày 30/06/2018	741.358.001	6.186.370.019	253.232.495	7.180.960.515

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30 tháng 6 năm 2018 là 10.655.062.081 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 7.546.621.242 VND). Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết không còn sử dụng và chờ thanh lý tại 30 tháng 6 năm 2018 là 773.141.321 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 700.414.048 VND).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long. Nguyên giá và khấu hao lũy kế của các tài sản được thế chấp tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 lần lượt là 6.684.580.652 VND và 1.539.046.534 VND (31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 6.684.580.652 VND và 1.861.082.369 VND). (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc thiết bị</b>
	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2018	33.309.876.347
Tại ngày 30/06/2018	<u>33.309.876.347</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2018	5.608.375.280
Khấu hao trong kỳ	2.081.867.272
Tại ngày 30/06/2018	<u>7.690.242.552</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2018	27.701.501.067
Tại ngày 30/06/2018	<u>25.619.633.795</u>

Tài sản cố định thuê tài chính bao gồm các máy móc thiết bị đi thuê theo các hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam. (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20).

**5.11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính</b>
	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2018	160.000.000
Tại ngày 30/06/2018	<u>160.000.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2018	125.031.974
Khấu hao trong kỳ	10.000.000
Tại ngày 30/06/2018	<u>135.031.974</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2018	34.968.026
Tại ngày 30/06/2018	<u>24.968.026</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 30 tháng 06 năm 2018 là 60.000.000 VND (tại 31 tháng 12 năm 2017 là 60.000.000 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.12. Bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất VND</u>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2018	<u>5.836.987.368</u>
Tại ngày 30/06/2018	<u>5.836.987.368</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2018	<u>839.830.635</u>
Tại ngày 30/06/2018	<u>839.830.635</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2018	<u>4.997.156.733</u>
Tại ngày 30/06/2018	<u>4.997.156.733</u>

Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh. Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (*Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20*).

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, dựa trên tình hình kinh doanh thực tế, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại vào ngày này.

**5.13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>30/06/2018 VND</u>	<u>01/01/2018 VND</u>
Công trình chuẩn bị mặt bằng lấp đất Trạm trộn bê tông Trung Lương Mỹ Thuận	<u>403.363.874</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5.14. Đầu tư tài chính dài hạn**

**a. Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2018			01/01/2018				
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia	7.800.000	55.200.000.000	-	(i)	7.800.000	55.200.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		40.000.000.000	-	(i)		40.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C		10.000.000.000	-	(i)		10.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C		7.410.000.000	-	(i)		7.410.000.000	-	(i)
<b>Cộng</b>		<b>112.610.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>		<b>112.610.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(i)</b>

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty con này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời do các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con nêu trên.

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Trái phiếu	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000	120.000.000.000

Vào ngày 19 tháng 5 năm 2017, Công ty đã mua trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội với tổng giá trị là 120.000.000.000 đồng bao gồm 120 trái phiếu, mệnh giá mỗi trái phiếu là 1 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu là 5 năm (đáo hạn ngày 19 tháng 5 năm 2022) theo lãi suất thả nổi, 3 tháng điều chỉnh 1 lần bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm. Giấy chứng nhận trái phiếu đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long (Chi tiết xem tại thuyết minh số 5.20).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MÁU B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5.15. Phải trả người bán**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ	Nợ gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (i)	50.500.867.848	50.500.867.848	63.338.227.686	63.338.227.686
Phải trả các nhà cung cấp khác	63.290.848.195	63.290.848.195	23.488.922.528	23.488.922.528
<i>Công ty Cổ phần ROADCO</i>	13.394.893.469	13.394.893.469	2.356.566.490	2.356.566.490
<i>Công ty Cổ phần Teracons</i>	11.206.774.214	11.206.774.214	-	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT</i>	9.403.351.650	9.403.351.650	1.734.262.119	1.734.262.119
<i>Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea</i>	7.732.283.316	7.732.283.316	6.506.067.037	6.506.067.037
<i>Công ty TNHH MTV An Phát M&amp;C</i>	6.021.454.112	6.021.454.112	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	15.532.091.434	15.532.091.434	12.892.026.882	12.892.026.882
<b>Cộng</b>	<b>113.791.716.043</b>	<b>113.791.716.043</b>	<b>86.827.150.214</b>	<b>86.827.150.214</b>
<i>(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan</i>				
<i>Công ty CII E&amp;C - CC</i>	44.188.783.421	44.188.783.421	55.011.246.399	55.011.246.399
<i>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro</i>	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<i>Công ty LGC</i>	1.038.239.427	1.038.239.427	3.053.136.287	3.053.136.287
<i>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</i>	273.845.000	273.845.000	273.845.000	273.845.000
<b>Cộng</b>	<b>50.500.867.848</b>	<b>50.500.867.848</b>	<b>63.338.227.686</b>	<b>63.338.227.686</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MÃ B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước là bên liên quan (i)	261.381.188.112	284.848.791.514
Trả trước là các khách hàng khác	3.334.901.514	26.342.664.369
<i>Công ty Cổ Phần Thanh Bình Phú Mỹ</i>	<i>3.334.901.514</i>	<i>4.597.699.863</i>
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hoa Lư</i>	-	<i>15.901.848.500</i>
<i>Trả trước là các khách hàng khác</i>	-	<i>5.843.116.006</i>
<b>Cộng</b>	<b>264.716.089.626</b>	<b>311.191.455.883</b>
<i>(i) Chi tiết trả trước cho các bên liên quan:</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	204.767.893.118	241.075.263.282
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	49.657.508.694	21.787.546.006
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	6.955.786.300	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	21.985.982.226
<b>Cộng</b>	<b>261.381.188.112</b>	<b>284.848.791.514</b>

**5.17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2018 VND
Thuê thu nhập doanh nghiệp	6.096.936.191	4.786.647.677	1.000.000.000	9.883.583.868
Thuế thu nhập cá nhân	1.583.487.905	676.298.523	1.362.419.900	897.366.528
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.680.424.096</b>	<b>5.465.946.200</b>	<b>2.365.419.900</b>	<b>10.780.950.396</b>

**5.18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.332.574.143	2.672.481.517

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản thu hộ	31.018.782.948	19.590.969.939
Phải trả các đội giao khoán thi công các công trình xây dựng	2.298.686.599	5.910.694.366
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh và hợp tác đầu tư	1.966.563.080	69.444.444
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Bảo hiểm xã hội	272.725.994	2.934.670
Bảo hiểm y tế	46.098.663	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.988.053	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.314.050	40.637.580.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	715.738.314	611.968.312
<b>Cộng</b>	<b>36.744.897.701</b>	<b>67.233.591.831</b>
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Phải trả về lãi hỗ trợ kinh doanh cho Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	1.856.441.088	-
Phải trả các khoản thu hộ cho CII E&C - BM	84.412.086	91.943.497
Cổ tức phải trả CII	-	21.165.112.000
	<b>1.940.853.174</b>	<b>21.257.055.497</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MẪU B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5.20. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2018		Phát sinh trong kỳ		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	506.195.079.960	506.195.079.960	427.881.301.960	547.562.578.271	625.876.356.271	625.876.356.271
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	214.460.795.905	214.460.795.905	112.483.757.605	206.224.159.164	308.201.197.464	308.201.197.464
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	117.702.381.392	117.702.381.392	117.702.381.392	198.930.441.987	198.930.441.987	198.930.441.987
Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	74.760.352.963	74.760.352.963	74.760.352.963	118.744.716.820	118.744.716.820	118.744.716.820
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	65.336.739.700	65.336.739.700	82.000.000.000	16.663.260.300	-	-
Đối tượng khác	33.934.810.000	33.934.810.000	40.934.810.000	7.000.000.000	-	-
<b>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</b>					<b>9.394.872.080</b>	<b>9.394.872.080</b>
<i>(xem Thuyết minh b)</i>	<b>6.633.286.717</b>	<b>6.633.286.717</b>				
	<b>512.828.366.677</b>	<b>512.828.366.677</b>	<b>427.881.301.960</b>	<b>547.562.578.271</b>	<b>635.271.228.351</b>	<b>635.271.228.351</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Bảo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MÁU B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

	30/06/2018		Phát sinh trong kỳ		01/01/2018	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b. Nợ thuê tài chính dài hạn</b>						
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	13.660.934.791	13.660.934.791	-	6.091.105.779	19.752.040.570	19.752.040.570
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(6.633.286.717)	(6.633.286.717)			(9.394.872.080)	(9.394.872.080)
	<u>7.027.648.074</u>	<u>7.027.648.074</u>	-	<u>6.091.105.779</u>	<u>10.357.168.490</u>	<u>10.357.168.490</u>
<b>Cộng</b>	<u>519.856.014.751</u>	<u>519.856.014.751</u>	<u>427.881.301.960</u>	<u>553.653.684.050</u>	<u>645.628.396.841</u>	<u>645.628.396.841</u>
<i>Trong đó, số dư nợ vay bên liên quan</i>						
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương- Mỹ Thuận	65.336.739.700	65.336.739.700	82.000.000.000	16.663.260.300	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn của kế ước cuối	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
<b>NGÂN HÀNG</b> Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Long	214.460.795.905	6 - 8 tháng	22/06/2019	7,9%	Bổ sung vốn lưu động.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, đường D2, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh;</li> <li>- Hệ thống đúc hẫng;</li> <li>- Xe ô tô Honda (CRV) mang biển số 51A-835.2;</li> <li>- Xe ô tô Ford (RANGER) mang biển số 51C-394.48;</li> <li>- Xe ô tô Hyundai (SANTAFE) BS: 51A-856.54;</li> <li>- Xe ô tô biển số 51C-62636;</li> <li>- Xe ô tô biển số 51A-90435;</li> <li>- Xe ô tô biển số 51A-69677;</li> <li>- Quyền đòi nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng, tổng giá trị các hợp đồng đã thế chấp 535.726.269.972 VND;</li> <li>- Trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội phát hành ngày 19/05/2017 cho Công ty CII E&amp;C trị giá 120 tỷ đồng.</li> </ul>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản vay (Tiếp theo)*

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn của kế ước cuối	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo/ Ghi chú
Ngân hàng Viettinbank - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh	117.702.381.392	6 tháng	02-11-18	7,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Quyền đòi nợ và thụ hưởng số tiền đòi nợ của các công trình xây dựng mà Công ty CII E&C đã sử dụng vốn vay để thi công.
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	74.760.352.963	10 tháng	20-01-19	7,8%	Bổ sung vốn lưu động.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng, giá trị khoản tiền gửi 20 tỷ đồng.
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	65.336.739.700	12 tháng	09-01-19	10,5%	Bổ sung vốn cho dự án Xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận (Gói thầu KC1-XL4).	Vay tín chấp
<b>DÀI HẠN</b> Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc Tế Việt Nam	13.660.934.791	3 - 4 năm		8% - 8,5%	Thuê tài chính	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuê tài chính là 3.785.296.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại bằng 0,3% - 0,5% giá thuê ban đầu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.20. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)***Nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:*

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Trong vòng một năm	6.633.286.717	9.394.872.080
Trong năm thứ hai	4.459.880.328	5.067.940.222
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.567.767.746	5.289.228.268
	<b>13.660.934.791</b>	<b>19.752.040.570</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(6.633.286.717)	(9.394.872.080)
<b>Cộng</b>	<b>7.027.648.074</b>	<b>10.357.168.490</b>

**5.21. Vốn chủ sở hữu****a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	30/06/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)
Công ty CII	53,58%	211.651.120.000	51,00%	211.651.120.000
Các cổ đông khác	46,42%	183.348.880.000	49,00%	203.348.880.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>395.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>415.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5.21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	415.000.000.000	400.000.000	-	6.491.138.089	43.200.441.891	465.091.579.980
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.221.718.638	44.221.718.638
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(41.500.000.000)	(41.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.636.049.084)	(1.636.049.084)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	64.392.807	(64.392.807)	-
Tại ngày 01/01/2018	415.000.000.000	400.000.000	-	6.555.530.896	44.221.718.638	466.177.249.534
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	15.247.151.448	15.247.151.448
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(39.818.367.279)	-	-	(39.818.367.279)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.623.589.087)	(3.623.589.087)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.665.277.572	(1.665.277.572)	-
Trích thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(152.471.514)	(152.471.514)
Tại ngày 30/06/2018	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	8.220.808.468	54.027.531.913	437.829.973.102

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CH**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.21. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Cổ phiếu**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	-
+ Cổ phiếu phổ thông	(2.000.000)	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	41.500.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**5.22. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018</b>	<b>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	329.184.309.054	297.711.140.077
Doanh thu bán hàng	20.577.083.669	24.741.059.052
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.599.299.957	11.245.847.198
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>355.360.692.680</b>	<b>333.698.046.327</b>
Hàng bán trả lại	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>355.360.692.680</b>	<b>333.698.046.327</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.22. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu: Khối lượng thi công dự án QL 60	92.546.439.724	5.253.278.508
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm: Khối lượng thi công gói xây lắp 2 thuộc dự án Thủ Thiêm	84.240.134.674	174.870.652.107
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội: Khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	68.976.262.473	47.001.913.590
Công ty TNHH BOT Trung Lương Mỹ Thuận: Khối lượng thi công dự án Trung Lương Mỹ Thuận	58.824.976.364	
Công ty CII E&C - CC: Doanh thu cho thuê thiết bị và bán vật tư	11.934.443.431	22.956.047.993
Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG: Khối lượng thi công xây lắp công trình DT 741 và duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741	7.484.719.506	25.129.122.424
Công ty CII E&C - BM: Doanh thu cho thuê thiết bị	1.334.727.271	1.202.181.817
Công ty NQN: Doanh thu cho thuê thiết bị	851.127.273	1.620.218.182
Công ty LGC: Doanh thu cho thuê thiết bị	31.090.909	15.545.454
Công ty SII: Khối lượng thi công các gói thuộc dự án nhà máy nước Cù Chi	-	11.792.296.671
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận: Khối lượng thi công công trình mở rộng tuyến tránh Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận - giai đoạn 2 và Khối lượng thi công công trình Trạm thu phí Cà ná	(8.229.800.195)	33.663.876.777
<b>Cộng</b>	<b>317.994.121.430</b>	<b>323.505.133.523</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.23. Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	307.861.967.730	242.335.518.132
Giá vốn hàng đã bán	20.577.083.669	19.801.072.992
Giá vốn của dịch vụ	2.212.559.119	10.086.291.995
<b>Cộng</b>	<b>330.651.610.518</b>	<b>272.222.883.119</b>

**5.24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.287.035.518	11.553.590.850
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.920.000.000	1.045.522.325
Chi phí sử dụng dụng vốn được hưởng từ nhà thầu	-	7.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.207.035.518</b>	<b>20.099.113.175</b>

*Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan*

Cổ tức và lợi nhuận được chia		
<i>Công ty LGC</i>	10.920.000.000	-
<i>Công ty NQN</i>	-	1.425.012.284
Lãi cho vay và lãi trái phiếu		
<i>Công ty CII</i>	7.190.997.336	9.158.335.021
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</i>	6.033.333.333	1.433.333.333
<i>Công ty CII E&amp;C - BM</i>	932.500.000	-
<i>Công ty NQN</i>	722.806.566	-
<b>Cộng</b>	<b>25.799.637.235</b>	<b>12.016.680.638</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Bảo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.25. Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí lãi vay	23.409.788.792	20.050.560.289
Lãi phải trả nợ thuê tài chính	727.596.996	804.709.532
Chi phí tài chính khác	940.922	-
<b>Cộng</b>	<b>24.138.326.710</b>	<b>20.855.269.821</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh với các bên liên quan*

Lãi vay phát sinh với CII	2.262.109.934	2.192.355.299
Lãi vay phát sinh với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	1.856.441.088	-
Lãi vay phát sinh với Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	45.047.222	-
<b>Cộng</b>	<b>4.163.598.244</b>	<b>2.192.355.299</b>

**5.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.303.763.993	5.834.059.294
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.860.065	105.995.226
Chi phí khấu hao	438.608.651	469.667.553
Chi phí công tác, tiếp khách	467.852.646	940.554.260
Chi phí dự phòng	(212.143.016)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.670.322.175	-
Chi phí bằng tiền khác	5.000.000	3.308.560.915
<b>Cộng</b>	<b>9.722.264.514</b>	<b>10.658.837.248</b>

**5.27. Thu nhập khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	31.738.215	-
Thu nhập khác	130.164.000	38.516.582
<b>Cộng</b>	<b>161.902.215</b>	<b>38.516.582</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.28. Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Các khoản truy thu và phạt hành chính	45.000.000	54.703.899
Các khoản phạt vi phạm thuế	-	552.786.145
Thanh lý tài sản cố định	-	88.837.952
Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	138.629.546	36.810.482
<b>Cộng</b>	<b>183.629.546</b>	<b>733.138.478</b>

**5.29. Chi phí thuế thu nhập hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.033.799.125	49.365.547.418
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Chi phí không được trừ	14.819.439.258	1.243.595.200
Thu nhập chưa tính thuế	-	(7.500.000.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(10.920.000.000)	(1.425.012.284)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>23.933.238.383</b>	<b>41.684.130.334</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.786.647.677	8.336.826.067
Thuế TNDN năm trước bổ sung	-	676.279.144
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.786.647.677</b>	<b>9.013.105.211</b>

**5.30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.445.841.340	113.153.325.266
Chi phí nhân công	18.907.100.116	21.302.876.094
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.335.210.636	3.026.337.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.384.496.417	184.511.892.825
Chi phí bằng tiền khác	1.699.356.059	3.405.886.503
<b>Cộng</b>	<b>327.772.004.568</b>	<b>325.400.318.120</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****5.31. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b>Số tiền vay thực nhận trong kỳ</b>		
Tiền vay theo hợp đồng thông thường	338.881.301.960	517.681.016.670
Tiền vay các Công ty trong tập đoàn	139.000.000.000	420.000.000.000
	<b>477.881.301.960</b>	<b>937.681.016.670</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	523.899.317.971	488.349.728.184
Tiền trả nợ gốc vay các Công ty trong tập đoàn	57.000.000.000	236.280.767.293
	<b>580.899.317.971</b>	<b>724.630.495.477</b>

**6. THÔNG TIN KHÁC****6.1. Giao dịch với các bên liên quan***Chi tiết bên liên quan*

Tên	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia ("LGC")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C ("CII E&C - CC")	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C ("CII E&C - BM")	Công ty con
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi ("NQN")	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn ("SII")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Xây Dựng Xa Lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty trong cùng tập đoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ, công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b><u>Giao dịch với công ty mẹ</u></b>		
<b>Công ty CII</b>		
Nhận vốn hợp tác đầu tư thi công dự án	710.000.000.000	420.000.000.000
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư thi công dự án	497.253.888.527	236.280.767.293
Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư - gốc	212.746.111.473	-
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư cho công ty mẹ theo hợp đồng 41/2016	102.300.000.000	234.000.000.000
Công ty mẹ hoàn trả vốn hợp tác đầu tư theo hợp đồng 41/2016	84.495.669.735	2.483.030.439
Chi phí sử dụng vốn đã trả trong kỳ	731.111.473	1.719.232.707
Lãi theo hợp đồng hợp tác đầu tư nhận được trong kỳ	15.504.330.265	3.516.969.561
Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư - lãi	1.515.998.461	-
Cổ tức đã trả cho công ty mẹ trong kỳ	21.165.112.000	-
Nhận ứng trước tiền thi công dự án Thủ Thiêm	-	1.028.837.608
<b><u>Giao dịch với các công ty con</u></b>		
<b>Công ty NQN</b>		
Chuyển công nợ phải thu sang cho vay	28.912.262.655	-
Ứng trước tiền mua đá Granite	-	7.300.000.000
Thu tiền thi công bốc tăng phủ và cho thuê thiết bị	-	1.890.000.000
<b>Công ty CII E&amp;C - BM</b>		
Tiền mua vật tư đã tạm ứng trong kỳ	127.248.563.792	263.278.328.179
Nhận lại tiền tạm ứng mua vật tư	60.000.000.000	161.442.667.444
Nhập kho vật tư trong kỳ	92.411.184.734	86.458.906.153
Vật tư trả lại trong kỳ	909.664.090	-
Chuyển công nợ từ ứng trước tiền mua vật tư sang khoản phải thu về cho vay	37.300.000.000	-
Thu tiền cho thuê thiết bị	489.400.000	-
Công nợ phải trả các đối tượng khác chuyển sang cho CII E&C - BM	17.647.642.045	-
Công nợ phải thu các đối tượng khác chuyển sang cho CII E&C - BM	-	417.047.548
Lợi nhuận được chia đã nhận trong kỳ	526.066.695	-
Thu nhập từ bán tài sản	863.636.363	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<b><u>Giao dịch với các công ty con</u></b>		
<b>Công ty CII E&amp;C - CC</b>		
Tạm ứng chi phí thi công công trình	73.850.000.000	205.721.852.903
CII E&C - CC hoàn trả lại vốn thi công	14.000.000.000	263.307.869.200
Chi phí thi công dự án Thủ Thiêm	48.537.913.696	45.806.012.509
Thu tiền thuê thiết bị trong kỳ	1.000.000.000	-
Công nợ ứng trước cho đối tượng khác chuyển sang cho CII E&C - CC	4.364.168.044	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và công cụ dụng cụ	-	1.033.370.183
<b>Công ty LGC</b>		
Nhập kho vật tư và chi phí di dời trạm thu phí	82.800.000	3.586.922.455
Thu tiền cho thuê thiết bị	-	11.400.000
Cổ tức được chia từ công ty con ghi giảm giá trị khoản đầu tư	-	15.000.000.000
Thanh toán tiền mua vật tư trong kỳ	2.105.976.860	-
Cổ tức đã nhận được trong kỳ	25.000.000.000	-
<b><u>Giao dịch với các bên liên quan khác</u></b>		
<b>Công ty CII B&amp;R</b>		
Chuyển sang đầu tư vào Công ty LGC	-	78.000.000.000
<b>Công ty SII</b>		
Thu tiền khối lượng thi công dự án Cù Chi	-	46.645.464.000
Thanh toán tiền khác phục sự cố	-	12.843.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội</b>		
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	39.566.518.556	166.710.465.018
Thu lãi trái phiếu trong năm	12.166.666.667	-
Mua trái phiếu	-	120.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận</b>		
Thu tiền khối lượng thi công công trình mở rộng Quốc lộ 1A	-	10.918.582.259
Thu tiền khối lượng thi công trạm thu phí Cà Ná	-	8.230.102.261
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>		
Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm	55.574.128.639	155.723.980.223
Chuyển trả tiền dư	2.674.063.052	-
<b>Công ty Đầu tư Hạ tầng VRG</b>		
Thu tiền thi công dự án DT741	8.101.701.606	17.719.615.211

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****5. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.1. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
<i>Giao dịch với các bên liên quan khác</i>		
<b>Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu</b>		
Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	131.702.917.323	17.880.406.565
Nhận hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 dùm các bên liên doanh	40.472.557.860	-
Khoản phải thu phát sinh tương ứng doanh thu các bên liên doanh đã xuất hóa đơn cho chủ đầu tư	19.849.170.981	-
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	7.000.000.000	-
Chuyển trả lại tiền vay	7.000.000.000	-
Lãi vay đã thanh toán trong kỳ	45.047.222	-
<b>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận</b>		
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	82.000.000.000	-
Cần trừ thu tiền thi công vào nợ gốc vay	16.663.260.300	-
Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ	55.000.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro</b>		
Nhập kho ống và phụ kiện	-	9.113.274.960
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng</b>		
Chi phí thi công sơn đường, vệ sinh mặt đường	-	306.222.727
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ:</b>		
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác	1.432.123.030	1.019.826.553

**6.2. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN****6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.2. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	519.856.014.751	645.628.396.841
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(294.260.445.666)	(95.472.356.908)
<b>Nợ thuần</b>	<b>225.595.569.085</b>	<b>550.156.039.933</b>
Vốn chủ sở hữu	437.829.973.102	466.177.249.534
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>52%</b>	<b>118%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.064.912.413	95.472.356.908
Phải thu khách hàng	133.305.074.409	143.593.810.016
Phải thu về cho vay	142.195.533.253	197.574.190.058
Phải thu khác	37.810.067.772	74.324.692.899
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	232.610.000.000	232.610.000.000
<b>Cộng</b>	<b>697.985.587.847</b>	<b>743.575.210.882</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	519.856.014.751	645.628.396.841
Phải trả người bán	113.791.716.043	86.827.150.214
Các khoản phải trả khác	3.099.615.444	41.728.992.856
Chi phí phải trả	1.332.574.143	2.672.481.517
<b>Cộng</b>	<b>638.079.920.381</b>	<b>776.857.021.428</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.2. Công cụ tài chính – Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro về giá*****Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.064.912.413	-	-	152.064.912.413
Phải thu khách hàng	133.305.074.409	-	-	133.305.074.409
Phải thu về cho vay	142.195.533.253	-	-	142.195.533.253
Phải thu khác	13.342.970.331	24.467.097.441	-	37.810.067.772
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	112.610.000.000	232.610.000.000
<b>Cộng</b>	<b>440.908.490.406</b>	<b>144.467.097.441</b>	<b>112.610.000.000</b>	<b>697.985.587.847</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	512.828.366.677	7.027.648.074	-	519.856.014.751
Phải trả người bán	113.791.716.043	-	-	113.791.716.043
Các khoản phải trả khác	3.099.615.444	-	-	3.099.615.444
Chi phí phải trả	1.332.574.143	-	-	1.332.574.143
<b>Cộng</b>	<b>631.052.272.307</b>	<b>7.027.648.074</b>	<b>-</b>	<b>638.079.920.381</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(190.143.781.901)</b>	<b>137.439.449.367</b>	<b>112.610.000.000</b>	<b>59.905.667.466</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09 a - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****6.2. Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.472.356.908	-	-	95.472.356.908
Phải thu khách hàng	143.593.810.016	-	-	143.593.810.016
Phải thu về cho vay	197.574.190.058	-	-	197.574.190.058
Phải thu khác	49.857.595.458	24.467.097.441	-	74.324.692.899
Đầu tư tài chính ngắn hạn	161.001	-	-	161.001
Đầu tư tài chính dài hạn	-	120.000.000.000	112.610.000.000	232.610.000.000
<b>Cộng</b>	<b>486.498.113.441</b>	<b>144.467.097.441</b>	<b>112.610.000.000</b>	<b>743.575.210.882</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	635.271.228.351	10.357.168.490	-	645.628.396.841
Phải trả người bán	86.827.150.214	-	-	86.827.150.214
Các khoản phải trả khác	41.728.992.856	-	-	41.728.992.856
Chi phí phải trả	2.672.481.517	-	-	2.672.481.517
<b>Cộng</b>	<b>766.499.852.938</b>	<b>10.357.168.490</b>	<b>-</b>	<b>776.857.021.428</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(280.001.739.497)</b>	<b>134.109.928.951</b>	<b>112.610.000.000</b>	<b>(33.281.810.546)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO) MẪU B 09 a - DN

### 6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

#### 6.3. Thông tin so sánh

Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018, số liệu so sánh được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2018

Người lập biểu



Nguyễn Thị Khánh Phương

Kế toán trưởng



Bùi Xuân Phước

Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiền